

**TÒA ÁN NHÂN D
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân D:

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

2. Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân D quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D quận Ninh Kiều: Ông Tô Văn Tông – Kiểm sát viên.

TrOg ngày 04 và ngày 15 tháng 4 N 2025 tại Tòa án nhân D quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 28/6/2024 về việc “*Tranh quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 2 N 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Tiến D**, sinh N 1958

Bà **Vũ Thị Hồng T**, sinh N 1958

Địa chỉ: đường Ba Mươi Tháng T, phường Hưng L, quận N, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Long H**, sinh N 1987. Địa chỉ: khu vực B, phường Ba L, quận C, TP. Cần Thơ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn O** (Nguyễn Thanh D), sinh N 1946

Bà **Lê Thị N**, sinh N 1950

Địa chỉ: đường Ba Mươi Tháng T, phường Hưng L, quận N, TP. Cần Thơ.

(Ông O, bà N vắng mặt suốt quá trình tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Phan LOG Hải trình bày và yêu cầu:

N 2005, ông Vũ Tiến D và bà Vũ Thị Hồng T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) và bà Lê Thị N đối với phần đất có diện tích khoảng 440 m², thửa số 177, tờ bản đồ số 59 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2154 do UBND Cần Thơ cấp ngày 22/3/2001. Việc chuyển nhượng này được ông D, bà T và ông O (D), bà N lập thành văn bản vào ngày 08/12/2005, và được UBND phường Hưng Lợi xác nhận vào ngày 12/12/2005.

Sau đó, ông D, bà T đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên phần đất này để sinh sống (sự việc này đều được người D xung quanh và chính quyền địa phương biết). Nhưng do giá vàng tăng giá đột ngột nên ông D, bà T chưa thanh toán đủ số vàng như đã giao kết. Nên ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) đã khởi kiện ông D, bà T đến Tòa án nhân D quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ yêu cầu trả đủ số vàng đã thỏa thuận còn nợ lại.

Ngày 01/8/2008, Tòa án nhân D quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định số 190/2008/DSST công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự (tại phiên tòa) ghi nhận: Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/12/2005, được UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xác nhận ngày 12/12/2005, giữa ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N và ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T; Theo đó, ông D, bà T có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông O (Nguyễn Thanh D) và bà N 37,45 lượng vàng 24k.

Ông D, bà T đã thanh toán đầy đủ số vàng và lãi suất cho ông O (D), bà N theo sự đúng thỏa thuận (Biên bản giải quyết thi hành án của Chi cục thi hành án D sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ lập vào ngày 26/8/2009). Ngày 21/09/2009, ông D và ông O (D) đã ký lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với phần đất nêu trên tại Văn phòng công chứng 24H. Cùng N 2009 ông D, bà T đã tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 và xây dựng 16 căn nhà trọ trên phần đất này để cho sinh viên thuê cho đến nay.

Tuy nhiên tại thời điểm N 2009, do tổng diện tích phần đất ông O (D) đứng tên quyền sử dụng đang xảy ra tranh chấp với ông Bùi Văn Thọ, địa chỉ: phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nên ông D, bà T chưa thể tiến hành thủ tục tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất nêu trên.

N 2013, ông D, bà T được cấp hộ khẩu thường trú tại phần đất nêu trên với địa chỉ: số 91/5/9c, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Sau khi tranh chấp của ông O (D) và ông Thọ được giải quyết. Ông D, bà T

có đến gặp ông O (D), bà N đề nghị ký lại hợp đồng chuyển nhượng phần đất nêu trên, để ông D và bà T tiến hành thủ tục tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất nhưng ông O (D) và bà N không đồng ý.

Qua tìm hiểu, ông D, bà T được biết ông O (D) đã thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông D và bà T (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Thanh D).

Do đó, ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1- Công nhận ông Vũ Tiến D và bà Vũ Thị Hồng T có quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích khoảng 440 m², thửa số 177, tờ bản đồ số 59 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2154 do UBND Cần Thơ cấp ngày 22/3/2001 cho ông Nguyễn Văn O, đất tọa lạc tại: đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 21/09/2009 tại Văn phòng công chứng 24h, địa chỉ: số 383B, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, số công chứng: 142, quyền số: 04/2009/CC-SCC/HĐGD).

2- Ông Vũ Tiến D và bà Vũ Thị Hồng T được phép đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích khoảng 440 m², thửa số 177, tờ bản đồ số 59 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2154 do UBND Cần Thơ cấp ngày 22/3/2001 cho ông Nguyễn Văn O, đất tọa lạc tại: đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) và bà Lê Thị N vắng mặt trOg suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên Tòa:

- Ông Phan LOg Hải là người đại diện cho nguyên đơn ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T trình bày: Ông D, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận cho nguyên đơn phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 429,4m², thuộc thửa số 533, tờ bản đồ số 59, loại đất trồng cây lâu N, tọa lạc tại: đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ để được liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân D quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trOg quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng D sự, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ vụ án thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn phần đất có diện tích 429,4m², thuộc thửa số 533, tờ bản đồ số 59, loại đất trồng cây lâu N, tọa lạc tại: đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ để ông D, bà T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Thanh D (Nguyễn Văn O) để cấp lại cho ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất đã nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N từ N 2005 để liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự. Qua xác minh, bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N có địa chỉ thường trú tại số 91/5/9 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo quy định Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng D sự N 2015.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N trOg suốt quá trình tố tụng: xét thấy rằng Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông O (D), bà N để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng ông O (D), bà N vắng mặt trOg suốt quá trình tố tụng xem như đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng D sự N 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ thể hiện: Vào N 2005 ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N diện tích đất khoảng 440 m², thuộc thửa số 177, tờ bản đồ

số 59 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02154 do UBND Cần Thơ cấp ngày 22/3/2001 cho ông Nguyễn Văn O với giá 90 lượng vàng 24k. Việc chuyển nhượng được lập thành văn bản vào ngày 08/12/2005 và được UBND phường Hưng Lợi xác nhận vào ngày 12/12/2005; Ông D, bà T đã thanh toán được 55 lượng vàng và 10.000.000 đồng còn nợ lại 35 lượng vàng chưa thanh toán đủ.

N 2007, ông Nguyễn Văn O (D) đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân D quận Ninh Kiều yêu cầu ông D, bà T thanh toán số vàng còn nợ và lãi suất chậm thanh toán. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa số 190/2008/DSST ngày 01/8/2008 đã ghi nhận: Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/12/2005, được UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xác nhận ngày 12/12/2005, giữa ông Nguyễn Văn O, bà Lê Thị N và ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T. Theo đó, ông D, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho ông O, bà N 37,45 lượng vàng 24k. Ông D, bà T đã thanh toán đủ số vàng cho ông O (D) thể hiện thông qua Biên bản giải quyết thi hành án của Chi cục thi hành án D sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ lập vào ngày 26/8/2009.

Đúng ra, sau thời điểm thanh toán đủ số tiền vàng mua đất cho ông O (D) thì ông D, bà T đã được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông D, bà T không thực hiện được. Để lý giải cho nguyên nhân không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, nguyên đơn cho rằng do diện tích chuyển nhượng có điều chỉnh nên ngày 21/09/2009, ông D và ông O (D) đã ký lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với phần đất nêu trên tại Văn phòng công chứng 24H, diện tích chuyển nhượng được điều chỉnh từ 440m² thành 433,54m². Tuy nhiên, tiếp đó giữa ông Nguyễn Văn O và hộ liên kê ông Bùi Văn Thọ lại phát sinh tranh chấp đất đai, đến khi kết thúc tranh chấp với ông Thọ thì phần đất chuyển nhượng cho nguyên đơn lại tiếp tục có biến động về diện tích nhưng ông O (D) không đồng ý đến Văn phòng công chứng ký lại Hợp đồng chuyển nhượng điều chỉnh diện tích đất thêm một lần nữa cho nguyên đơn.

Hiện nay, qua hồ sơ Tòa án thu thập thì phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 2154 do UBND Cần Thơ cấp ngày 22/3/2001 cho ông Nguyễn Văn O, trong đó có phần đất ông O (D), bà N đã chuyển nhượng cho ông D, bà T vào N 2005 đã được ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) đăng ký biến động, điều chỉnh lại diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất chuyển nhượng cho ông D, bà T đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 453309, sổ vào sổ cấp GCN: CS08941 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ cấp ngày 04/4/2019 cho ông Nguyễn Thanh D với diện tích 429,4m² (đây cũng là diện tích qua đo đạc thực tế phần đất mà ông D, bà T đang quản lý sử dụng, trên đất đang tồn tại 16 căn nhà trọ của ông D, bà T).

Như vậy, có thể xác định phần quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế là 429,4m² đã được ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) và ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T thống nhất tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 190/2008/DSST ngày 01/8/2008 của Tòa án nhân D quận Ninh Kiều. Ông D, bà T đã nhận đất, quản lý và sử dụng sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng vào N 2005; đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán vào N 2009 có sự chứng kiến của Cơ quan thi hành án; đã xây dựng nhà trên đất; đã được cấp sổ hộ vào N 2013 và sinh sống trên đất này cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, phía ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) dù ở cạnh bên không có ý kiến hay tranh chấp gì về việc quản lý, sử dụng đất của nguyên đơn nhưng lại cố tình đi đăng ký điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trOg khi diện tích đất này đã ký chuyển nhượng có công chứng 02 lần cho nguyên đơn và họ đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán là không phù hợp quy định pháp luật và hiện trạng quản lý sử dụng đất.

TrOg suốt quá trình ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T khởi kiện tại Tòa án nhân D quận Ninh kiều, phía bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thể hiện trOg hồ sơ vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T; công nhận cho ông D, bà T phần quyền sử dụng đất diện tích 429,4m², thuộc thửa 533, tờ bản đồ số 59, đất tọa lạc tại đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ để ông D, bà T được quyền liên hệ cơ quan thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất này. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) vào N 2019 là không phù hợp nên sẽ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định.

[3] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân D quận Ninh Kiều tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc, thẩm định: 6.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T đã nộp tạm ứng và chi xOg nhưng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N phải chịu chi phí này. Do đó, ông O (D) và bà N phải nộp 6.000.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn trOg giai đoạn thi hành án.

- Về án phí: Do bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), sinh N 1946 và bà Lê Thị N, sinh N 1950. Hiện ông bà đã trên 60 tuổi, thuộc diện được miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 137, Điều 152 Luật đất đai 2024;

- Điều 158, Điều 164, Điều 166 Bộ luật D sự 2015;

- Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 158, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng D sự N 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D), bà Lê Thị N.

- Công nhận cho ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T phần đất có diện tích 429,4m², thuộc thửa số 533, tờ bản đồ số 59, loại đất trồng cây lâu N, đất tọa lạc tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 429,4m² được công nhận.

(Đính kèm bản trích đo địa chính số 997/VPĐKĐĐ ngày 10/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ).

- Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 453309, số vào sổ cấp GCN: CS08941 do Sở tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ cấp ngày 04/4/2019 cấp cho ông Nguyễn Thanh D (Nguyễn Văn O).

- Về chi phí đo đạc, thẩm định: 6.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xOg nên bị đơn ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) và bà Lê Thị N phải nộp 6.000.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Vũ Tiến D, bà Vũ Thị Hồng T.

- Về án phí D sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn O (Nguyễn Thanh D) và bà Lê Thị N không phải chịu án phí D sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án D sự./.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND quận Ninh Kiều;
- TAND TP.CT;
- Chi cục THADS.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký)**

Phạm Thị Bé Hiền